

**油耗保障 (菲律宾) (7月 2024 to 12月 2024)**

产品系列		耗油费率 (升/小时)	产品系列		耗油费率 (升/小时)
HEXSM	313 GC	9	MWL	950 GC	14
HEXMD	320	13		950L	15
	320 GC	11		966 GC	19
	320 GX	11	LWL	986H	30
	323 GC	15		988K	35
	323 GX	16		990K	61
	330	21	MG	140 GC	15
	330 GC	19		120 GC	12
	333	23			
HEXLG	336 GC	25			
	336-07	27			
	336-08	26			
	340-08	28			
	345 GC	32			
	350	33			
	352	34			
	374	52			
395	70				
HEXWH	M315	8			
	M317D2	11			